

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-PT

Ngày 25/02/2025

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
thi công công trình"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các thẩm phán: Bà Quách Thị Phương Thúy và Đoàn Thị Thu Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số 01/2025/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 1 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng thi công công trình. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2025/QĐ-PT ngày 07/2/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T1.

Địa chỉ: Số A, ngõ A phố N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh C - Chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt. (Theo Giấy ủy quyền ngày 26/10/2023)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần D.

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân B - Chức vụ: Tổng giám đốc; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Cổ phần D: Bà

Phùng Thị Thanh H – Công ty L; có mặt

3. *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 13/08/2019, Công ty TNHH T1 (viết tắt là Công ty T1) và Công ty Cổ phần D (viết tắt là Công ty D) có ký kết hợp đồng thi công số: 06/08/2019/HĐ-XD/PLP-HKC về việc: Thi công trọn gói phòng trần, vách P, thạch cao trong nhà xưởng để xin cấp GMP-HS của Công ty Cổ phần D. Tổng giá trị hợp đồng và các chi phí phát sinh theo các phụ lục là 1.715.138.260đ. Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 13/8/2019 chậm nhất đến ngày 13/9/2019 phải hoàn thành.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã thi công và hoàn thiện tất cả nội dung công việc theo hợp đồng mà hai Bên đã ký kết và một số điều chỉnh phát sinh theo yêu cầu của bên Công ty D.

Ngày 08/01/2020: Công ty T1 và Công ty D cùng nhau ký biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, trong đó có một số nội dung: Sửa khóa cửa, bổ sung gioăng cao su, bổ sung bơm keo, căn chỉnh tăng đơ cho trần. Công ty T1 đã sửa chữa khắc phục ngay. Phía Công ty D cũng đã xác nhận hoàn thành xong công việc, hai bên cùng thống nhất ký biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng cùng ngày. Công ty T1 đã gửi hồ sơ quyết toán công trình nhưng Công ty D xin chậm thanh toán.

Công ty D đã thanh toán cho Công ty T1 là 1.534.635.800đ. Theo thỏa thuận thì số tiền còn lại của đợt thanh toán đợt cuối với giá trị 180.502.460đ bên Công ty D sẽ thanh toán sau khi bên Công ty HKC hoàn thành nghĩa vụ thi công, hai bên đồng ý ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc, hồ sơ hoàn công hoàn thành giai đoạn. Tuy nhiên, sau khi các bên hoàn thiện và ký biên bản nghiệm thu ngày 08/01/2020 đến nay công ty D vẫn chưa thanh toán trả nốt số tiền 180.502.460đ cho Công ty T1.

Công ty D đã yêu cầu Công ty T1 sửa chữa các lỗi trong biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành mới thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng. Công ty T1 đã cử cán bộ kỹ thuật và mang vật tư đến khảo sát và sửa chữa các hạng mục cần khắc phục. Đồng thời hỗ trợ Công ty D làm thêm 01 phòng kho, lắp đặt vách panel, mở thêm 02 bộ cửa loại 2 cánh tổng chi phí hết: 45.701.700 đồng nhưng không tính thêm chi phí phát sinh. Tuy nhiên, sau đó Công ty T1 đã yêu cầu Công ty D thanh toán nốt số tiền 180.502.460 đồng nhưng phía Công ty D vẫn không thanh toán. Do vậy, Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty D phải trả cho Công ty T1 số tiền là: 180.502.460 đồng và thanh toán số tiền chậm trả kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Về vấn đề thời gian nghiệm thu công trình là ngày 08/01/2020, chậm hơn so với hợp đồng đề ra ngày 13/9/2019 là do trong quá trình thực hiện, phía Công ty D thay đổi một số chi tiết bản vẽ và đề nghị thi công bổ sung để đảm bảo theo yêu cầu của bên tiền thẩm định cấp chứng nhận GMP. Việc lùi ngày nghiệm thu này là có sự thống nhất của hai bên nên trong biên bản nghiệm thu không có nội dung xác định việc chậm tiến độ theo hợp đồng. Nếu khi nghiệm thu đưa vào sử dụng mà xác định có việc bên Công ty T1 có lỗi dẫn đến chậm tiến độ hợp đồng thì đã thiết lập văn bản để phạt hợp đồng. Quan điểm của Công ty T1 là không đồng ý với yêu cầu phạt chậm tiến độ hợp đồng của Công ty D đưa ra.

Quan điểm của Bị đơn (ông B) trình bày: Xác định tổng giá trị của hợp đồng và phát sinh (phụ lục hợp đồng) là 1.715.138.260đ. Công ty D đã thanh toán cho Công ty T1 1.543.635.800đ. Số tiền còn lại của đợt thanh toán cuối cùng có giá trị là 180.502.460đ sẽ thanh toán sau khi bên Công ty HKC hoàn thành nghĩa vụ thi công, hai bên đồng ý ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc, hồ sơ hoàn công hoàn thành giai đoạn. Do Công ty T1 chưa hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng trên nên hiện tại phía Công ty D chưa thanh toán số tiền còn lại. Cụ thể: Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành ngày 01/10/2019, các hạng mục đang đi vào hoàn thiện, chưa nghiệm thu hạng mục công trình; biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành ngày 08/01/2020, thể hiện còn nhiều hạng mục bị lỗi. Bên Công ty D đã yêu cầu Công ty T1 phải hoàn thiện. Công ty T1 cũng chưa hoàn thành "Bản vẽ hoàn công" theo tiêu chuẩn xây dựng.

Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu trả phần lãi chậm thanh toán vì trong hợp đồng không có nội dung này, đồng thời có yêu cầu phản tố xác định:

+ Phía nguyên đơn đã vi phạm thời gian hoàn thành để nghiệm thu công trình theo như hợp đồng đã ký: Theo Điều 6 hợp đồng thì thời gian nghiệm thu chậm nhất là 13/9/2019. Tuy nhiên, đến ngày 08/1/2020 hai bên mới nghiệm thu. Do vậy, Công ty Cổ phần D yêu cầu phía nguyên đơn phải trả cho Công ty Cổ phần D tiền phạt 10% giá trị hợp đồng (tương ứng số tiền là 160.000.500đ).

+ Yêu cầu công ty T1 phải sửa chữa thay thế toàn bộ các cửa và gioăng cao su các cửa để đảm bảo tính năng sử dụng. Trường hợp bên công ty D không tự sửa chữa lại thì yêu cầu phải thanh toán giá trị cửa, gioăng cao su theo giá của Hội đồng định giá đã định giá sau khi đã trừ khấu hao (20% giá trị).

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2024/KDT-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đã Quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T1. Buộc Công ty Cổ phần D phải thanh toán trả cho Công ty TNHH T1 tổng số tiền: 180.502.460đ (*Một trăm tám mươi triệu năm trăm linh hai nghìn bốn trăm sáu mươi đồng*). Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần D yêu cầu Công ty TNHH T1 phải thanh toán khoản tiền phạt chậm nghiệm thu hợp đồng là 160.000.500đ. Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty Cổ phần D đối với yêu cầu Công ty TNHH T1 phải sửa chữa, lắp toàn bộ gioăng cao su vào hệ thống

cửa của công trình. Buộc công ty T1 phải thanh toán trả cho công ty D chi phí mua gioăng cao su và nhân công lắp gioăng cao su tương ứng với giá trị là 17.678.716đ. (Mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm mười sáu đồng).

Ngày 10/10/2024 bị đơn Công ty D kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của công ty D và công ty T1 thống nhất thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án như sau. Công ty D thanh toán trả cho công ty T1 số tiền là 100.000.000đ tiền công trình. Về thuế VAT (10% tương đương số tiền 10.000.000đ) nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu số tiền 5.000.000đ. Tổng số tiền công ty D chuyển trả công ty T1 là 105.000.000đ. Về án phí: Mỗi bên chịu 50% tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty D nhất trí quan điểm thỏa thuận của các đương sự, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: Công ty D phải trả công ty T1 số tiền 100.000.000đ tiền công trình, đối với tiền thuế VAT công ty D chịu 5.000.000đ, tổng tiền phải chuyển cho công ty T1 là 105.000.000đ, công ty T1 chịu 5.000.000đ tiền thuế VAT. Về án phí: Công nhận sự thỏa thuận của công ty T1 và công ty D mỗi bên phải chịu 50% tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, công ty D không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) xét thấy:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của phía bị đơn Công ty cổ phần D trong thời gian quy định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, Người đại diện hợp pháp của công ty D và công ty T1 thống nhất thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án như sau. Công ty cổ phần D thanh toán cho Công ty TNHH T1 HKC số tiền là 100.000.000đ. Về tiền thuế VAT: Công ty cổ phần D chịu 5.000.000đ. Công ty TNHH T1 HKC chịu 5.000.000đ. Tổng số tiền công ty D trả cho Công ty TNHH T1 là 105.000.000đ. Về án phí, nguyên đơn chịu 50% và bị đơn chịu 50% tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Xét thấy sự tự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. HĐXX phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, về tranh chấp hợp đồng thi công công trình.

Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp hợp đồng thi công công trình, cụ thể như sau:

1. Công ty cổ phần D thanh toán cho Công ty TNHH T1 HKC số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Về tiền thuế VAT: Công ty cổ phần D chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Công ty TNHH T1 HKC chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Tổng số tiền Công ty cổ phần D trả cho Công ty TNHH T1 HKC là 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH T1 phải chịu 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0000957 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, hoàn trả công ty Công ty TNHH T1 HKC số tiền 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Công ty cổ phần D phải chịu phải chịu 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001036 ngày 26/2/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, hoàn trả Công ty cổ phần D số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Công ty cổ phần D không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả Công ty cổ phần D số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005906 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu VP, lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân